

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 175/2023/DS-ST

Ngày: 28- 4- 2023

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T

2. Ông Nguyễn Anh N

- Thẩm ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh H – Thẩm ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Hội đoàn Viên kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thứ lý số 329/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định của vụ án ra xét xử 121/2023/Q-XXST-DS ngày 13/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2023/Q-HPT ngày 04/4/2023, gọi các nguyên s :

1. *Nguyên n:* Ngân hàng TMCP N,

Địa chỉ : 201-203 C, Phố X, Quận X, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thanh T, sinh năm 19XX;

(có mặt xin xét xử vắng mặt);

2. *B n:* Bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 19XX,

Địa chỉ : 07 N, Phố P, Quận T, Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VẤN:

Theo đơn khiếu nại và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N do ông Cao Thanh T là người đi kiện theo quy trình bày:

Ngày 20/05/2019, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – PGD T (sau đây gọi là Ngân hàng) và bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T đã giao kết Giấy vay tín dụng kiêm phụ cấp án vay vốn, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sổ 0226/2019/914-CV ký ngày 20/05/2019 (gọi tắt là hợp đồng) cấp tín dụng cho bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T với tổng là 50.000.000 đồng.

Theo hợp đồng trên, Ngân hàng đã cấp cho bà T 02 thẻ tín dụng số 524083xxxxxx1345, loại thẻ tín dụng quốc tế MasterCard, lãi suất trong hạn 27%/năm; thẻ tín dụng số 970428xxxxxx8734, loại thẻ tín dụng nội địa, lãi suất trong hạn 30%/năm. Hạn mức tín dụng của 02 thẻ là 50.000.000 đồng.

Sau khi cấp thẻ tín dụng, bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T đã thực hiện các giao dịch của 02 thẻ với tổng số tiền là 49.978.226 đồng.

Theo quy định tại Giấy vay tín dụng kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 226/2019/914-CV, bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T có nghĩa vụ thanh toán đúng hạn và đầy đủ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, bà T đã không thanh toán cho Ngân hàng nên từ ngày 24/01/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ 49.978.226 đồng sang nợ quá hạn.

Do bà T có người thân làm cán bộ, nhân viên của Ngân hàng TMCP N nên từ ngày 20/5/2019 bà T được áp dụng mức lãi suất của khách hàng nội bộ là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm. Đến ngày 24/10/2022 người thân của bà T nghỉ làm tại Ngân hàng nên lãi suất quá hạn áp dụng lại với bà T chuyển sang lãi suất quá hạn của khách hàng thông thường là: Thẻ nội địa 45%/năm; thẻ quốc tế 40,5%/năm.

Ngân hàng đã gửi thông báo nhắc nợ yêu cầu bà T thanh toán, tuy nhiên, đến nay bà T vẫn không thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 27/4/2023 bà T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 49.978.226 đồng; Nợ lãi + phí: 36.631.103 đồng; Tổng nợ: 86.609.329 đồng.

Như vậy, vì bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm Giấy vay tín dụng kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0226/2019/914-CV. Nay Ngân hàng kính nhờ Quý Tòa xem xét và giải quyết các yêu cầu sau:

Buộc bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T phải trả cho Nợ mới ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền tính đến ngày 27/4/2023 như sau: Nợ gốc: 49.978.226 đồng; Nợ lãi + phí: 36.631.103 đồng; Tổng nợ: 86.609.329 đồng.

Bà T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng hai bên ký kết.

Bên bà Phan Nguyễn Hoàng Anh Tuấn đã có mặt tại phiên họp các vấn đề liên quan tới việc của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giám đốc thẩm gia phiên tòa, quy định của vụ án ra xét xử, quy định hoãn phiên tòa nhân việc bà Tuấn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có vấn đề trình bày ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đi kiện theo yêu cầu của nguyên có mặt xin xét xử vắng mặt.

Bên bà Phan Nguyễn Hoàng Anh Tuấn vắng mặt.

Người Viện kiểm sát nhân dân Quận Thủ Đức phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Thẩm quy định thủ tục tố tụng: Bên Phan Nguyễn Hoàng Anh Tuấn có mặt: 07 N, phòng P, Quận Thủ Đức, nên Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức thủ tục tố tụng là đúng thẩm quy định theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trên thực tế tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là phù hợp theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc Tòa án xác định cách pháp lý và mối quan hệ giữa các đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68, 69 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quy định của vụ án ra xét xử và thủ tục tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Tòa án tuân thủ theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành, thông báo các vấn đề liên quan tới việc tuân theo quy định tại Điều 171, 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thủ ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng thủ tục tố tụng, các ghi trong quy định của vụ án ra xét xử đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có 01 thẩm phán và 02 Hội thẩm chuyên môn theo quy định tại Điều 63 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thủ tục khai mạc phiên tòa không vi phạm Điều 239

B luật Tố tụng dân sự. Việc tham gia hội thẩm phiên tòa được thực hiện theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy vay ngân hàng tín dụng kiêm phôi ngân phiếu vay vốn, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng số 0226/2019/914-CV ký ngày 20/05/2019 giữa Ngân hàng và bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T. Ngân hàng đã cấp tín dụng cho bà T chi tiêu gia đình, lãi dự thu ngày 27/4/2023 như sau: Nguyên gốc: 49.978.226 đồng; Nguyên lãi + phí: 36.631.103 đồng; Tổng cộng: 86.609.329 đồng. Trong quá trình vay, qua nhiều lần nhắc nhở, làm việc, bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngân hàng đã gửi thông báo nhắc nhở và bà T đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên bà T vẫn không trả nợ. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Giấy vay ngân hàng tín dụng kiêm phôi ngân phiếu vay vốn, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng số 0226/2019/914-CV ký ngày 20/05/2019 nên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Căn cứ Điều 351, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Án phí tính theo quy định của pháp luật.

NHÂN NHẠC Á TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của Hội thẩm Vi phạm kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm định tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N yêu cầu bồi thường bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T thanh toán khoản tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”, được thực hiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm định quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T có địa chỉ cư trú cùng tại nhà số 07 N, phường P, quận T, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H theo quy định tại Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Vụ có mặt của người s t i phiên tòa:

Nguyên n Ngân hàng TMCP N, ng i i di n theo y quy n ông Cao Thanh T có n ngh xét x v ng m t;

B n bà Phan Nguy n H ng Anh T ã c Tòa án t ng t h p l các v n b n t t ng theo quy nh t i các i u 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 B lu t T t ng dân s n m 2015 nh ng bà T u v ng m t không vì s ki n b t kh kháng ho c vì tr ng i khách quan.

Nên c n c quy nh t i kho n 1 và i m b kho n 2 i u 227; kho n 1, kho n 3 i u 228; i m a, b kho n 1 i u 238 B lu t T t ng dân s n m 2015, H i ng xét x t i n hành xét x v ng m t nguyên n và b n.

[2] V yêu c u kh i ki n c a nguyên n:

[2.1] V yêu c u b n thanh toán s t i n n g c và lãi theo Gi y ngh c p th tín d ng kiêm ph ng án vay v n, H p ng tín d ng và h p ng s d ng th s 0226/2019/914-CV ký ngày 20/05/2019 tính t ngày vi ph m n ngày 27/4/2023.

Do b n bà Phan Nguy n H ng Anh T không v n b n trình bày có ý ki n i v i yêu c u kh i ki n c a nguyên n nên H i ng xét x không có c s xem xét; H i ng xét x c n c l i trình bày c a nguyên n và tài li u, ch ng c trong h s xem xét gi i quy t.

Xét th y, ngày 20/05/2019, bà Phan Nguy n H ng Anh T có ký v i Ngân hàng H p ng s d ng Th tín d ng (bao g m Gi y ngh c p th tín d ng kiêm ph ng án vay v n, H p ng tín d ng và h p ng s d ng th s 0226/2019/914-CV ký ngày 20/05/2019 và B n i u kho n và i u ki n phát hành và s d ng th tín d ng c a Ngân hàng) theo ó Ngân hàng ã ng ý c p th tín d ng cho bà Phan Nguy n H ng Anh T, th tín d ng s 524083xxxxxx1345, lo i th tín d ng qu c t Master Card, lãi su t trong h n 27%/n m; th tín d ng s 970428xxxxxx8734, lo i th tín d ng n i a, lãi su t trong h n 30%/n m. H n m c tín d ng c a 02 th là 50.000.000 ng, m c ích s d ng th : tiêu dùng.

Nh v y, vì c giao k t các h p ng này gi a các bên là t nguy n, n i dung h p ng không vi ph m i u c m c a pháp lu t và không trái o c xã h i nên phát sinh hi u l c t th i i m giao k t h p ng theo quy nh t i các i u 385, 401 c a B lu t Dân s n m 2015.

Sau khi c c p th tín d ng, bà Phan Nguy n H ng Anh T ã th c hi n các giao d ch c a 02 th v i t ng s t i n là 49.978.226 ng theo b n tóm t t sao kê ngày 27/4/2023 c a Ngân hàng.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 24/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số tiền còn thi u là 49.978.226 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất n quá hạn là 15%/năm (áp dụng mức lãi suất c a khách hàng n i b), nên ngày 24/10/2022 áp dụng lãi suất n quá hạn là: Th n i a 45%/năm; th qu c t 40,5%/năm (khách hàng thông th ng) là phù h p theo th a thu n t i i u B n các i u kho n và i u ki n s d ng th tín d ng c a N và Quy t nh s 859/2018/Q -NHNA-16 ngày 13/12/2018 v vi c Ban hàng Bi u phí s n ph m th N Bank.

S t i n n s d ng th tín d ng mà nguyên n yêu c u b n ph i thanh toán tính n ngày 27/4/2023 là 86.609.329 đồng, trong ó: N g c: 49.978.226 đồng; N lãi + phí: 36.631.103 đồng là có c s ch p nh n theo quy nh t i các i u 463, 466 B lu t Dân s n m 2015 và các i u 91, 95 Lu t Các T ch c tín d ng n m 2010.

[2.2] V yêu c u bà Phan Nguy n H ng Anh T còn ph i ti p t c tr ti n lãi phát sinh trên s d n g c theo m c lãi suất quy nh trong Gi y ngh c p th tín d ng kiêm ph ng án vay v n, H p ng tín d ng và h p ng s d ng th s 0226/2019/914-CV, ngày 20/05/2019 tính k t ngày 29/4/2023 cho n ngày bà T tr h t n g c.

Xét t i H p ng s d ng th tín d ng do hai bên ký k t có th a thu n m c lãi suất. Bà T ch m th c hi n ngh a v nên k t ngày ti p theo c a ngày xét x cho n thi hành án xong, bà T còn ph i thanh toán cho Ngân hàng kho n ti n lãi phát sinh c a s t i n còn ph i thi hành án theo m c lãi suất các bên th a thu n t i h p ng là có c s ch p nh n theo quy nh t i i u 13 Ngh quy t 01/2019/NQ-H TP ngày 11/01/2019 c a H i ng th m phán Tòa án nhân dân t i cao.

[2.3] V th i h n thanh toán: Ngân hàng yêu c u bà T thanh toán toàn b s t i n n trên m t l n ngay sau khi b n án có hi u l c pháp lu t.

Xét th y, vi c bà T ng ng thanh toán n theo th a thu n trong h p ng là vi phạm nghĩa vụ , gây thi t h i n quy n và l i ích h p pháp c a Ngân hàng nên Ngân hàng yêu c u bà T thanh toán h t s t i n n m t l n ngay sau khi b n án có hi u l c pháp lu t là có c s ch p nh n theo quy nh t i i u 95 Lu t các t ch c tín d ng n m 2010.

[3] V án phí dân s s th m: Do toàn b yêu c u c a nguyên n Ngân hàng TMCP N c ch p nh n nên b n bà Phan Nguy n H ng Anh T ph i ch u án phí dân s s th m trên toàn b s t i n ph i thanh toán cho nguyên n theo quy nh t i kho n l i u 147 B lu t T t ng dân s n m 2015; Kho n 2 i u 26 Ngh quy t s 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 c a y ban Th ng v Qu c h i.

Hoàn trả toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP N.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 1 khoản 1 Điều 35; Điều 1 khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và Điều 1 khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 1 khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 351, 357, 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-H TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên x :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

- Bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền theo Giấy vay ngân hàng kèm phụ lục án vay vay v n, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng số 0226/2019/914-CV, ngày 20/05/2019, tính đến ngày 28/4/2023 là 86.609.329 (tám mươi sáu triệu sáu trăm lẻ chín ngàn ba trăm hai mươi chín) đồng, (trong đó: Nợ gốc: 49.978.226 đồng; Nợ lãi + phí: 36.631.103 đồng)

Kể từ ngày 29/4/2023 cho đến khi hành án xong, bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy vay ngân hàng kèm phụ lục án vay vay v n, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng số 0226/2019/914-CV, ngày 20/05/2019.

- Thi hành thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bản Bà Phan Nguyễn Hoàng Anh T phải chịu số tiền là 4.330.466 (bốn

triệu ba trăm ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng.

Hoàn trả cho nguyên nhân Ngân hàng Thương mại cổ phần Nợ tín dụng ngân sách phí 1.823.220 (một triệu tám trăm hai mươi ba nghìn hai trăm hai mươi) đồng theo Biên lai thu tiền ngân sách phí, lệ phí Tòa án số 0036221 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Thi hành tố tụng của quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quy định kháng cáo:

Nguyên nhân, bị cáo quy định kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản quyết định kỷ luật.

Vì nhiệm vụ sát nhân dân cùng cấp, Vì nhiệm vụ sát nhân dân cấp trên trực tiếp của quy định kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bị cáo, quy định tố tụng thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền hoãn thi hành án, quy định yêu cầu thi hành án, tạm ngừng thi hành án hoặc bị cáo chỉ thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án có thể hoãn theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nội dung:

- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các ông ;
- Luật sư, VP.

**TM. HỘI NGƯỜI XÉT XỬ THẨM
TƯỞNG PHÁN – CHỦ TỊCH PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc N

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỊCH PHIÊN TÒA

